

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/7/2023
“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Y Tha Mlô
- Bà Trần Thị Minh Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Duồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 107/2023/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023, về việc “Kiện ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lục Thị B, sinh năm 1992. Có mặt

Địa chỉ: Buôn A, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Triệu Văn L, sinh năm 1988. Vắng mặt không lý do

Địa chỉ Buôn A, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Lục Thị B trình bày:

Tôi và anh Triệu Văn L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào tháng 4/2011 tại UBND xã R, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã xích mích. Anh L thường hay rượu chè về chửi bới, đánh đập tôi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Triệu Văn L.

Về con chung, tôi và anh L có 03 con chung là Triệu Văn C; sinh ngày 07/3/2008; Triệu Thị D, sinh ngày 02/11/2010 và Triệu Thị T, sinh ngày 26/8/2019, nay ly hôn thì tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, còn hai cháu C và D thì tùy theo nguyện vọng của các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Triệu Văn L nhưng anh Triệu Văn L đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị Lục Thị B và anh Triệu Văn L kết hôn tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét thấy, có căn cứ xác định mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng chị B, anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị B được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung, chấp nhận yêu cầu của chị Lục Thị B: Giao cháu Triệu Thị T, sinh ngày 26/8/2019 cho chị Lục Thị B trực tiếp nuôi dưỡng và giao hai cháu Triệu Văn C; sinh ngày 07/3/2008 và Triệu Thị D, sinh ngày 02/11/2010 cho anh Triệu Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị B không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị Lục Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Lục Thị B khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Triệu Văn L hiện cư trú tại xã R, huyện M, tỉnh Đắk Lắk là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Triệu Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thị B và anh Triệu Văn L kết hôn tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo nguyên đơn chị B trình bày rằng, quá trình chung sống do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xích mích, anh L thường hay rượu chè về chửi bới, đánh đập chị nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai người đã không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay.

Qua xác minh tại địa phương Buôn A, xã R, huyện M là nơi chị B và anh L cư trú thì thể hiện, mâu thuẫn giữa chị B và anh L đã trầm trọng, anh L thường hay đánh đập chị B. Địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả và hiện nay vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh L đến Tòa án để giải quyết vụ án, tạo điều kiện cho anh L và chị B gặp gỡ giải quyết những mâu thuẫn tình cảm để đoàn tụ nhưng anh L đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh L không quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng chị B, anh L đã đến mức trầm trọng, đã xảy ra tình trạng bạo lực gia đình và hiện tại vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, cho chị B được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Lục Thị B và anh Triệu Văn L có 03 con chung là Triệu Văn C; sinh ngày 07/3/2008; Triệu Thị D, sinh ngày 02/11/2010 và Triệu Thị T, sinh ngày 26/8/2019. Chị B yêu cầu xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Thị T, và giao 02 cháu Triệu Văn C và Triệu Thị D cho anh Triệu Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Xét thấy, hiện nay chị B hiện có công việc làm và thu nhập ổn định, đủ khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng một con chung. Qua xác minh tại địa phương cũng như lời trình bày của chị B thì hiện nay hai cháu C và D đang sinh sống, ở cùng với anh L, còn cháu T thì hiện đang ở với chị B. Cháu C và cháu D cũng có ý kiến tại Tòa án là xin được ở với bố là anh L. Còn cháu T còn quá nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ.

Đối với anh L do không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên không lấy được ý kiến, lời khai của anh L về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Do vậy, để đảm bảo sự ổn định cũng như quyền lợi của các con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị B nói trên: Giao cháu Triệu Thị T, sinh ngày 26/8/2019 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và giao 02 cháu Triệu Văn C; sinh ngày 07/3/2008; Triệu Thị D, sinh ngày 02/11/2010 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Lục Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lục Thị B phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lục Thị B.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lục Thị B được ly hôn với anh Triệu Văn L.

- *Về con chung:* Giao con chung Triệu Thị T, sinh ngày 26/8/2019 cho chị Lục Thị B trực tiếp nuôi dưỡng và giao hai con chung Triệu Văn C, sinh ngày 07/3/2008 và Triệu Thị D, sinh ngày 02/11/2010 cho anh Triệu Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Lục Thị B và anh Triệu Văn L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí:* Chị Lục Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0014082 ngày 10/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã R, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Thịnh

